

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 7 - 2020
V/v: Tranh chấp về ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đông Hà.

2. Bà Nguyễn Thị Tua - Nguyên Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Quyền Trân - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2019/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1997; địa chỉ: Ấp 10, xã A, huyện L, tỉnh H (Có mặt).

Bị đơn: Anh Dương Sol E, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp 7, xã T, huyện V, tỉnh H (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: Giữa chị H với bị đơn anh

Dương Sol E được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới trước, đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, cho đến cuối năm 2014 thì ly thân cho đến nay, nguyên nhân do anh Sol E không lo làm ăn. Do đó, chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bị đơn. Về con chung: giữa chị H với anh Sol E có 01 con chung tên Dương Thị Huyền Trân, sinh ngày 19/3/2014, cháu Trân hiện nay đang sống với chị H, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình thu thập chứng cứ, bị đơn anh Dương Sol E đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không lý do, cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, coi như anh không chứng minh.

Về tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Đơn khởi kiện; bản tự khai; trích lục kết hôn; trích lục khai sinh; bản phô tô giấy chứng minh nhân dân; đơn xác nhận và đơn xin xác nhận; thông báo nộp tạm ứng án phí, biên lai thu tạm ứng án phí, quyết định phân công Thẩm phán, thông báo thụ lý vụ án, biên bản xác minh, biên bản tổng đạt; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản không tiến hành hòa giải được; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản niêm yết, quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử; quyết định phân công Kiểm sát viên; quyết định đưa vụ án ra xét xử; biên bản vắng mặt, biên bản phiên tòa, biên bản thảo luận, quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, cũng như ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật, bị đơn chấp hành không đúng pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Ngọc H với anh Dương Sol E được ly hôn; về con chung, tiếp tục giao cháu Dương Thị Huyền T cho chị H nuôi dưỡng, anh Sol E chưa phải cấp dưỡng; về tài sản chung, nợ chung: không có nên không đề cập đến. Án phí chị H phải nộp theo quy định; kiến nghị khắc phục vi phạm: không có.

Các tình tiết, sự kiện các bên đã thống nhất: Không có.

Vấn đề đương sự không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Dương Sol E, thời điểm chị H khởi kiện thì anh Sol E có địa chỉ tại ấp 07, xã T, huyện V. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xác định quan hệ tranh chấp thuộc trường hợp: “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*”, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Đối với bị đơn anh Dương Sol E, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Áp dụng pháp luật về nội dung: Vào 07/10/2014, giữa chị H với anh Sol E xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện L, tỉnh H, nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết tranh chấp.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Thời điểm chị H với anh Sol E đăng ký kết hôn, thì anh chị đã đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, đến năm 2013 giữa chị H và anh Sol E phát sinh mâu thuẫn, nên anh chị đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay; theo biên bản xác minh ngày 10/12/2019 thì mâu thuẫn giữa anh chị địa phương không rõ; như vậy, từ khi ly thân cho đến nay là một thời gian dài, các bên không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn để xây dựng hạnh phúc gia đình và chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ.

[4] Về con chung: Giữa chị H với anh Sol E có 01 con chung tên Dương Thị Huyền T, sinh ngày 19/3/2014, chị H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Về phía bị đơn anh Sol E, quá trình thu thập chứng cứ, mặc dù đã nhận được thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên anh phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Theo biên bản xác minh ngày 10/12/2019 thì lúc chị H bỏ đi có dẫn theo con về nhà mẹ đẻ; xét thấy, từ năm 2014 đến nay chị H là người trực tiếp nuôi cháu T từ khi anh chị ly thân cho đến nay, cháu T là nữ, để ổn định về tâm lý cũng như sự phát triển toàn diện của cháu T, nên tiếp tục giao cháu T cho chị H nuôi dưỡng là có căn cứ.

[5] Về cấp dưỡng: Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa, chị H không yêu cầu anh Sol E cấp dưỡng. Đây là quyền tự định đoạt của đương sự; do đó, anh Sol E chưa phải cấp dưỡng. Sau khi ly hôn, nếu việc nuôi dưỡng con chung gặp khó khăn thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng bằng một vụ án khác.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, chị H khẳng định về nợ chung và tài sản chung không có, nên không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do chị H là nguyên đơn trong vụ án. Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “4. Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”. Căn cứ vào quy định của pháp luật viện dẫn trên, buộc chị H phải chịu án phí. Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên đề xuất hướng giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: các Điều 5, 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14: Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: các Điều 9, 11, 89, 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 57, 81, 82, 83, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H.

1. *Về hôn nhân:* Cho chị Nguyễn Thị Ngọc H với anh Dương Sol E được ly hôn.

2. *Về con chung:* Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Dương Thị Huyền T, sinh ngày 19/3/2014. Anh Dương Sol E chưa phải cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có nên không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000821, ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị H đã nộp xong.

5. *Quyền kháng cáo*: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- UBND xã V (nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;
- Công TTĐT (để công bố);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hùng

